

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 374/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-7-2023.

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Khanh
- Ông Nguyễn Đức Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2023/TLST-HN ngày 06 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Ngọc L, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Ngọc T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người làm chứng:*

3.1 Bà Trần Thị T, sinh năm 1965 (có mặt).

3.2 Bà Đào Thị A, sinh năm 1956 (có mặt).

3.3 Bà Phan Thị L, sinh năm 1958 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Ngọc L trình bày:*

Chị với anh Võ Ngọc T sống chung năm 2018, có đăng ký kết hôn và được

Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/8/2018. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, năm 2020 chị từng khởi kiện xin ly hôn với anh T nhưng kết quả xét xử bác đơn của chị, tuy nhiên hơn 01 năm kể từ ngày xét xử vợ chồng vẫn không thể đoàn tụ được. Anh chị đã ly thân khoảng 03 năm nay. Chị nhận thấy giữa chị và anh T đã không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Ngọc T.

Về con chung: Chị và anh Võ Ngọc T có 01 con chung là Võ Ngọc Thùy D, sinh ngày 31/5/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Võ Ngọc T trình bày:* Anh thống nhất với lời khai của chị Trần Ngọc L về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng thực tế không có, do chị L tự ý bỏ nhà đi gần 03 năm nay. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ và muốn con có mẹ.

Về con chung có 01 cháu đúng như chị L trình bày, cháu đã sống chung với anh từ lúc 04 tháng tuổi đến nay. Nếu trường hợp ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Trần Ngọc L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng.

Bị đơn anh Võ Ngọc T không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L thì anh yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Người làm chứng bà Đào Thị A trình bày: Bà là Chi hội trưởng Chi Hội Phụ nữ Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, vào khoảng tháng 10/2020 anh T có đến báo cho bà biết việc chị L vợ của anh T tự ý bỏ nhà đi để lại con cho anh T nuôi dưỡng, bà có động viên anh T cố gắng nuôi con cho tốt, hiện tại anh T chăm sóc nuôi dưỡng con rất tốt, anh T làm vườn nên rất thuận tiện trong việc chăm sóc cháu, mẹ anh T có sức khỏe tốt lại có một đứa cháu nên giành hết thời gian cho cháu, đề nghị Tòa án xem xét giao quyền nuôi con cho anh T.

Người làm chứng bà Trần Thị T trình bày: Bà sống ở gần nhà anh T nên biết rõ từ lúc cháu D mới 04 tháng tuổi chị L đã bỏ nhà đi khoảng mấy ngày sau chị L cùng với mẹ ruột của chị L đến nhà anh T lấy toàn bộ đồ đạc đi để con lại cho anh T nuôi dưỡng. Hiện tại anh T và gia đình anh T chăm sóc bé rất tốt.

Người làm chứng bà Phan Thị L trình bày: Bà sống ở gần nhà anh T, thường ngày bà cắt cỏ gần nhà anh T thấy chị L nằm bấm điện thoại không chăm sóc con để anh T chăm sóc. Khi cháu D mới 04 tháng tuổi chị L đã bỏ nhà đi để cháu lại cho anh T nuôi dưỡng cho đến nay, khoảng một tháng mới về thăm con một lần. Hiện tại anh T và gia đình anh T chăm sóc bé rất tốt.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trần Ngọc L được ly hôn với anh Võ Ngọc T, giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Ngọc L yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con khi ly hôn với anh Võ Ngọc T có nơi cư trú tại xã Bình Trung, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc L và anh Võ Ngọc T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2018, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, chị L cho rằng anh T không tôn trọng chị, có lời lẽ xúc phạm chị. Năm 2020, anh chị từng tranh chấp ly hôn, kết quả Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L. Tuy nhiên, đã hơn 01 năm kể ngày Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu ly hôn đến nay vợ chồng vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn và đã ly thân khoảng 03 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng chị L kiên quyết ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh thừa nhận vợ chồng đã không còn sống chung khoảng 03 năm, hiện tại mỗi người có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh T, chị L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Ngọc L.

[3] Về con chung: Chị Trần Ngọc L và anh Võ Ngọc T thống nhất khai nhận có 01 con chung là Võ Ngọc Thùy D, sinh ngày 31/5/2020. Khi ly hôn cả anh T, chị L đều yêu cầu trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, về điều kiện nuôi con các bên đều có nơi ở ổn định, chị L ở cùng mẹ ruột, anh T cũng ở cùng nhà mẹ ruột, tuy nhiên anh T chỉ sống chung với mẹ anh, mẹ anh sức khỏe tốt, gia đình không có nhiều người, anh lại làm vườn, thường xuyên ở nhà nên anh và mẹ anh chỉ tập trung lo cho cháu D, riêng chị L thừa nhận chị ở chung mẹ ruột nhưng còn có các anh chị em và các cháu nhỏ cùng ở chung một nhà, mẹ chị là người trực tiếp chăm sóc các cháu của chị, bà đã trên 60 tuổi, bản thân chị làm điều dưỡng ở bệnh viện tuy ổn định nhưng công việc của chị làm cả ngày, nếu giao con cho chị nuôi chị sẽ nhờ bà ngoại chăm sóc trong thời gian đi làm, điều này cho thấy việc chăm sóc con của chị L không thuận lợi như anh T. Đồng thời các bên đương sự đều thừa nhận từ lúc 04 tháng tuổi cháu D đã sống chung với anh T và bà nội. Về điều

kiện nuôi con, qua xác minh và tại phiên tòa, người làm chứng là trưởng ấp và đại diện đoàn thể hội phụ nữ cũng như những người là hàng xóm của anh T đều xác nhận biết rõ về điều kiện kinh tế của anh T hiện nay rất tốt, tuy làm vườn nhưng thu nhập ổn định, thời gian của anh chủ yếu tập trung lo cho cháu D, đời sống vật chất, tinh thần của cháu D rất tốt. Do vậy, xét về điều kiện vật chất, điều kiện chăm sóc con và để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý cho cháu cần thiết giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Về ý kiến chị L cho rằng anh T và gia đình chồng gây khó khăn cho chị trong việc thăm nom con nhưng chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho ý kiến này. Mặt khác, qua xác minh tại địa phương cũng không có thông tin hay tài liệu chứng cứ chứng minh việc chị bị gây khó khăn khi thăm con. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án chị cho rằng cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị nuôi theo quy định pháp luật, tuy nhiên đến thời điểm xét xử cháu D đã trên 36 tháng và việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu phải căn cứ vào nhiều yếu tố khác như Hội đồng xét xử đã phân tích nói trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị L về việc giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy anh T có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Ngọc L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Ngọc L, anh Võ Ngọc T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Ngọc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc L được ly hôn với anh Võ Ngọc T.
2. Về con chung: Giao con chung Võ Ngọc Thùy D, sinh ngày 31/5/2020 cho anh Võ Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Trần Ngọc L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Ngọc L phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 21471 ngày 27/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Ngọc L, anh Võ Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã N, Châu Thành, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương